



CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
NHÀ MÁY PHÂN BÓN HỮU CƠ SEPON
Địa chỉ: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3852.513 - Fax: 0233 3852695

Quảng Trị, ngày 01 tháng 07 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Khách hàng

Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon là chi nhánh của Công ty CP Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: “Hệ thống nhà xưởng sản xuất” tại Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon, KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon trân trọng kính mời các Công ty có đủ năng lực tham gia chào giá hạng mục nêu trên.

1. Thông tin yêu cầu chào giá

Thông tin yêu cầu chào giá căn cứ theo hồ sơ yêu cầu chào giá và bản vẽ thiết kế thi công hạng mục kèm theo.

2. Yêu cầu về chào giá

- Thời gian phát hành thư mời chào giá và hồ sơ yêu cầu chào giá từ ngày 01/07/2024 - 04/07/2024.

- Thời gian nộp hồ sơ chào giá của nhà thầu: **Trước 10 giờ 00 phút ngày 05/07/2024**

3. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ và thông tin

Quý khách hàng vui lòng nhận hồ sơ yêu cầu chào giá, bản vẽ thiết kế kèm theo và nộp hồ sơ chào giá đến địa chỉ:

- Văn phòng đại diện của Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon – 01 Phan Bội Châu, phường 1, Đông Hà, Quảng Trị.

- Số điện thoại: 0905.814.123 (Chị Hà)

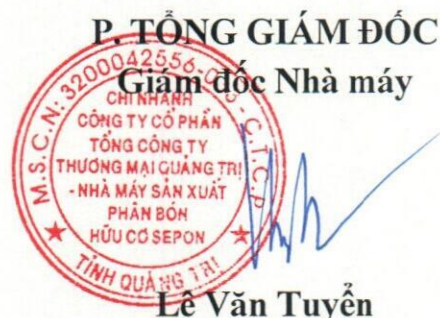
Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon rất mong nhận được sự tham gia của Quý công ty.

Trân trọng! *HT*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: DA





CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
NHÀ MÁY PHÂN BÓN HỮU CƠ SEPON
VP đại diện địa chỉ: 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3851 151 - Fax: 0233 3852695

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Gói thầu: HỆ THỐNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

Thuộc dự án: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon – Giai đoạn 1

Địa điểm: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị, ngày 01 tháng 07 năm 2024

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Giám đốc Nhà máy



Lê Văn Tuyên

Tháng 7 năm 2024

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị
2. Tên bên mời thầu là: Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu: Hệ thống nhà xưởng sản xuất, thuộc dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon- Giai đoạn 1, theo phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Thời gian thực hiện gói thầu: **90 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập; Có chứng nhận đăng ký thuế.
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

Mục 4. Thành phần của hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu.
4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Mục 5. Đơn chào giá và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào giá và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá

trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **60 ngày**, kể từ ngày báo giá.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp hồ sơ chào giá bao gồm: **01 bản gốc, 1 chụp** trực tiếp, hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Nhà máy tinh bột sắn Hương Hóa, không muộn hơn **10 giờ ngày 05/07/2024**.

Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có hồ sơ chào giá đầy đủ như quy định tại mục 4 bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất trong các đơn vị cùng chào giá và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự theo đường bưu điện, fax.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng

trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi thực hiện hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **3% giá trị hợp đồng.**

Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi có biên bản nghiệm thu bàn giao gói thầu đưa vào sử dụng và bắt đầu chuyển sang chế độ bảo hành.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B trong thời hạn ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi gói thầu được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Nhà thầu chào giá theo khối lượng thi công của hạng mục như sau:

STT	Tên công tác, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
I, PHẦN XÂY DỰNG NHÀ XUỐNG 1			
1	Đào móng bằng máy đào 0,4m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m ³	5,4786
2	Đào móng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất IV	1m ³	7,1400
3	Ván khuôn bê tông lót móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,2824
4	Ván khuôn bê tông lót móng tường, băng chuyên	100m ²	0,4528
5	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	23,4854
6	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,5219
7	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	38,7826
8	Ván khuôn cổ móng - Cột vuông, chữ nhật	100m ²	0,7639
9	Bê tông cổ móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, TD >0,1m ² , chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	6,5940
10	Bê tông cổ móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, TD ≤0,1m ² , chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	0,4881
11	Bu lông neo móng M27-900	bộ	192,0000
12	Lắp đặt bu lông neo móng	tấn	0,9327
13	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng móng	100m ²	1,1745
14	Bê tông xà dầm, giằng móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	11,7448
15	Ván khuôn gỗ tường thẳng - Chiều dày ≤45cm	100m ²	0,2264
16	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn	0,2903
17	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	tấn	1,1406
18	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK >18mm	tấn	1,5644
19	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng móng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,5065
20	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK >18mm, chiều cao ≤6m	tấn	2,5524
21	Lấp đất móng, san gạt đất đào bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90 (tận dụng đất đào)	100m ³	5,5500
22	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	2,3413
23	Rải bạt nylon làm lớp cách ly	100m ²	11,7281
24	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, M200, đá 2x4, PCB40	m ³	239,1292
25	Cắt khe co giãn nền	10m	23,9840

STT	Tên công tác, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
26	Xoi chỉ mặt ram dốc	m2	35,2000
27	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m2	0,2530
28	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1m^2$, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,7250
29	Xây tường ngoài nhà bằng gạch đặc 6x10x20cm - Chiều dày $\leq 30cm$, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, PCB40	m3	41,4000
30	Xây tường ngoài nhà bằng gạch rỗng 6 lỗ 9,5x14x20cm - Chiều dày $> 10cm$, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, PCB40	m3	6,4860
31	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,5896
32	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	8,5620
33	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40 có treo hồ XM	m2	131,1240
34	Trát trụ bê tông, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40 có treo hồ XM	m2	13,7800
35	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	181,2400
36	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	181,2400
37	Trát má cửa, mặt tường, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m2	0,8640
38	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	320,1180
39	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	188,1300
	Phân kết cấu thép + mái		
40	Gia công cột bằng thép I	tấn	10,4029
41	Lắp cột thép các loại	tấn	10,4029
42	Gia công khung kèo mái sảnh	tấn	0,1872
43	Gia công vì kèo thép hộp mạ kẽm khẩu độ nhỏ, khẩu độ $\leq 18m$	tấn	4,2466
44	Bu lông liên kết M22x80	bộ	476,0000
45	Bu lông liên kết M16x80	bộ	108,0000
46	Lắp vì kèo thép khẩu độ $\leq 18m$	tấn	4,4338
47	Gia công giằng cột thép I	tấn	2,3011
48	Gia công giằng chân kèo thép hộp mạ kẽm	tấn	0,9495
49	Lắp dựng giằng thép bu lông	tấn	3,2506
50	Gia công xà gồ thép hộp mạ kẽm	tấn	6,9934
51	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	6,9934
52	Lợp mái, che tường tôn mạ màu sóng vuông dày 0,45mm	100m2	18,8836
53	Gia công lắp đặt máng nước Inox 430 dập khổ 1m, dày 1mm	tấn	0,8596
54	Lắp đặt ống nhựa UPVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 110mm tương đương TNTF Class2	100m	1,2800
55	Lắp đặt co, cút nhựa UPVC miệng bát nối bằng p/p dán keo, ĐK 110mm tương đương TNTF	cái	60,0000
56	Cùm ống D110	cái	100,0000

STT	Tên công tác, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
57	Lắp đặt cầu cân rác + phễu thu	cái	20,0000
58	Cửa lùa bi treo 2 cánh khung sắt ốp tôn + phụ kiện cửa	m2	25,3800
59	Cửa lùa bi treo 1 cánh khung sắt ốp tôn + phụ kiện cửa	m2	29,1400
60	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	54,5200
61	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	909,1770
62	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	100m2	10,3622
63	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao $> 3,6m$ - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	12,8044
64	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao $> 3,6m$ - Mỗi 1,2m tăng thêm	100m2	32,0110
II, HỆ THỐNG BĂNG CHUYỀN NHÀ XUỐNG 1			
1	Đào móng bằng máy đào 0,4m ³ , chiều rộng móng $\leq 6m$ - Cấp đất III	100m ³	1,4063
2	Đào móng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$ - Cấp đất IV	1m ³	2,0820
3	Ván khuôn bê tông lót móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,0352
4	Ván khuôn bê tông lót móng tường, băng chuyền	100m ²	0,1792
5	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	4,0880
6	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,0384
7	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	9,6560
8	Ván khuôn cổ móng - Cột vuông, chữ nhật	100m ²	0,0576
9	Bê tông cổ móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1m^2$, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	0,2880
10	Xây móng tường thẳng bằng gạch bê tông 15x20x30cm, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	12,7680
11	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng móng	100m ²	0,5074
12	Bê tông xà dầm, giằng móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	5,0740
13	Rải bạt nilon làm lớp cách ly	100m ²	1,0267
14	Ván khuôn gỗ tường thẳng - Chiều dày $\leq 45cm$	100m ²	0,6487
15	Ván khuôn gỗ sàn bê kỹ thuật	100m ²	0,0198
16	Lắp dựng cốt thép bê kỹ thuật, $\text{ĐK} \leq 10mm$	tấn	0,4342
17	Bê tông bê SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m ³	7,1941
18	Lắp dựng cốt thép băng chuyền, $\text{ĐK} \leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,1984
19	Lắp dựng cốt thép băng chuyền, $\text{ĐK} \leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,3623
20	Lấp đất móng, san gạt đất đào bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90 (tận dụng đất đào)	100m ³	1,4271
21	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ gồi đỡ ống nhựa	100m ²	0,2030

STT	Tên công tác, vật tư	Đơn vị	Khối lượng
22	Bê tông gôỉ đỡ ống nhựa M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	1,0152
23	Lắp gôỉ đỡ ống nhựa	1 cấu kiện	188,0000
24	Lắp đặt ống nhựa UPVC D76mm	100m	4,7000
25	Lắp nút bịt nhựa D76mm tương đương TNTP	cái	94,0000
26	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	6,6000
27	Trát thành trong bể, rãnh, dày 2,0cm, Vữa XM M100, XM PCB40 (lớp 1)	m2	92,2261
28	Trát thành trong bể, rãnh, dày 1,0cm, Vữa XM M100, XM PCB40 (lớp 2)	m2	92,2261
29	Trát đáy đan công tác, vữa XM M75, PCB40 có treo hồ XM	m2	20,5800
30	Đánh màu bằng XM nguyên chất	m2	112,8061
	Phân kết cấu thép		
31	Gia công hộp thép đặt cột bằng thép hộp mạ kẽm	tấn	0,1269
32	Lắp cột thép các loại	tấn	0,1270

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	Phân xây dựng nhà xưởng 2		
1	Đào móng bằng máy đào 0,4m3, chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m3	6,3817
2	Đào móng bằng máy đào 0,4m3, chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	100m3	0,3022
3	Ván khuôn bê tông lót móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m2	0,2199
4	Ván khuôn bê tông lót móng tường, băng chuyên	100m2	0,6114
5	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m3	27,8520
6	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m2	0,5016
7	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m3	43,0005
8	Ván khuôn cổ móng - Cột vuông, chữ nhật	100m2	0,6720
9	Bê tông cổ móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD >0,1m2, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m3	6,3000
10	Bu lông neo móng M27-900	bộ	180,0000
11	Lắp đặt bu lông neo móng	tấn	0,8744
12	Xây móng tường thẳng bằng gạch bê tông 15x20x30cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	20,8600
13	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng móng	100m2	1,4384
14	Bê tông xà dầm, giằng móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m3	14,3840
15	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn	0,2727
16	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	tấn	2,1252

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
17	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,3294
18	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng móng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	1,9483
19	Lấp đất móng, san gạt đất đào bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90 (tận dụng đất đào)	100m ³	6,6839
20	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	4,2370
21	Rải bạt nylon làm lớp cách ly	100m ²	21,1852
22	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 2x4, PCB40	m ³	423,7040
23	Cắt khe co giãn nền	10m	53,2800
24	Xoi chỉ mặt ram dốc	m ²	25,6000
25	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m ²	0,1536
26	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	0,1536
27	Xây tường thẳng bằng gạch rỗng 6 lỗ 10x15x22cm - Chiều dày $> 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	26,4825
28	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,3210
29	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	2,4075
30	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,2880
31	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40 có treo hồ XM	m ²	60,9900
32	Trát trụ bê tông, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40 có treo hồ XM	m ²	10,0800
33	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	176,5500
34	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	176,5500
35	Trát má cửa, mặt tường, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	1,2960
36	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	213,3810
37	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	181,5900
	Phân kết cấu thép + mái		
38	Gia công cột bằng thép I	tấn	13,2603
39	Lắp cột thép các loại	tấn	13,2600
40	Gia công vì kèo thép ống kẽm khâu độ nhỏ, khâu độ $\leq 18\text{m}$	tấn	12,1968
41	Bu lông liên kết M22x80	bộ	108,0000
42	Bu lông liên kết M16x80	bộ	108,0000
43	Bu lông liên kết M12x30	bộ	1.476,0000
44	Lắp vì kèo thép khâu độ $> 18\text{m}$	tấn	12,1968
45	Gia công giằng cột thép hình	tấn	3,2077
46	Giằng mái D16-L=8,4m (Thép giằng D16, Ren đầu, tăng đơ)	bộ	72,0000

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
47	Giằng mái D16-L=6,0m (Thép giằng D16, Ren đầu, tăng đơ)	bộ	18,0000
48	Tì xà gỗ D12 L=1,17m	bộ	360,0000
49	Lắp dựng giằng thép bu lông	tấn	4,7082
50	Gia công xà gỗ thép hình mạ kẽm	tấn	11,0020
51	Lắp dựng xà gỗ thép	tấn	11,0020
52	Lợp mái tôn mạ màu sóng vuông dày 0,45mm Dập vòm	100m ²	25,1980
53	Gia công lắp đặt máng thu nước Inox 430, dập theo khổ 1m, inox dày 1mm	tấn	0,7645
54	Lắp đặt ống nhựa UPVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 110mm tương đương TNTF Class2	100m	1,8400
55	Lắp đặt co, cút nhựa UPVC miệng bát nối bằng p/p dán keo, ĐK 110mm tương đương TNTF	cái	60,0000
56	Cùm ống D110	cái	140,0000
57	Lắp đặt cầu cản rác + phễu thu	cái	20,0000
58	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m ²	570,5950
59	Sơn sắt thép bằng sơn Epoxy 2 thành phần	1m ²	439,6000
60	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m ²	7,4544
61	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m ²	11,1055
62	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Mỗi 1,2m tăng thêm	100m ²	11,1055

Có bản vẽ thi công kèm theo.

Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- Có số lượng bản gốc và bản chụp hồ sơ chào giá theo quy định tại điều 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- Có các thành phần của hồ sơ chào giá theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (Không áp dụng đối với nhà thầu liên danh)
- Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.
- Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

- Không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ chào giá với tư cách là nhà thầu chính.

Nhà thầu có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Đánh giá về năng lực: Kinh nghiệm và tài chính của nhà thầu

1. Nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công thực tế, có tính chất tương tự gói thầu này trong vòng 3 năm gần đây (từ năm 2021- năm 2024). *(Hồ sơ chào giá phải có bản sao y 01 hợp đồng có giá trị $\geq 50\%$ giá trị gói thầu này, biên bản nghiệm thu thanh lý để chứng minh).*

2. Báo cáo tài chính trong 1 năm gần nhất năm 2023, phải có doanh thu ≥ 10 tỷ đồng/năm và được xác nhận của cơ quan thuế. *(Hồ sơ chào giá phải có bản sao y báo cáo tài chính có xác nhận của cơ quan thuế để chứng minh).*

3. Năng lực về kỹ thuật: Số lượng chỉ huy trưởng, kỹ sư hoặc cử nhân xây dựng tại công trình: Phải có ít nhất 03 người có trình độ đại học trở lên, kinh nghiệm ≥ 2 năm, trong đó chỉ huy trưởng phải có chứng chỉ chỉ huy trưởng và đang làm việc tại đơn vị chào thầu *(Gửi kèm bản sao văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ chỉ huy trưởng đã được chứng thực và bản sao được chứng thực của hợp đồng lao động chứng minh đang làm việc tại đơn vị đang chào thầu).*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu khi có báo giá đáp ứng đầy đủ về: Khối lượng, đơn vị, đơn giá, chủng loại, số lượng, thành tiền... như yêu cầu tại Chương II: Phạm vi, yêu cầu của gói thầu quy định.

Mục 4. Xác định giá chào

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu khi bản chào giá có giá thấp nhất, sau khi giảm giá (nếu có) và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của hồ sơ chào giá.

Chương IV: BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: ___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: ___ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: ___ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá số ___ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do ___ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, ___ [Ghi tên nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Căn cứ vào yêu cầu phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II, nhà thầu thực hiện bảng tổng hợp chào giá gói thầu, theo quy định của bảng sau:

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x6)
<i>I</i>	<i>Hạng mục 1:</i>					<i>A</i>
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>II</i>	<i>Hạng mục 2: ...</i>					<i>B</i>
<i>...</i>						
<i>....</i>						
Giá chào (A + B + ...) (Kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) Căn cứ theo phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào giá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
☸☸☸

DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: /2024/ HĐ-XD

Gói thầu: HỆ THỐNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

Thuộc dự án đầu tư xây dựng: NHÀ MÁY PHÂN BÓN HỮU CƠ SEPON- GIAI ĐOẠN 1

Địa điểm: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

I. Các căn cứ để ký hợp đồng

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ điều lệ Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị.
- Căn cứ quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày / /2024 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty thương mại Quảng Trị về việc phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh gói thầu: Hệ thống nhà xưởng sản xuất, thuộc dự án Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon – Giai đoạn 1, tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

II. Nội dung hợp đồng

Hôm nay, ngày tháng năm 2024. Chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 01 Phan Bội Châu, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233 3852513 Fax: 0233 3852695

Mã số thuế: 3200042556

Số tài khoản: **3900211010038** tại Ngân hàng No & PTNT Quảng Trị

Do Ông: Chức vụ:

Bên B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Mã số thuế:

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

Do ông : Chức vụ:

Sau khi thảo luận hai bên đã nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc thực hiện

Công ty CP Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị (bên A) giao cho Nhà thầu (Bên B) thực hiện thi công hạng mục: Hệ thống nhà xưởng sản xuất, thuộc dự án đầu tư xây dựng: Nhà máy phân bón hữu cơ Sepon – Giai đoạn 1. Tại: KCN Quán Ngang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, theo đúng hồ sơ dự toán thiết kế đã được phê duyệt. Đảm bảo đúng quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 2. Hình thức và giá trị hợp đồng

- Hình thức hợp đồng là: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Giá trị hợp đồng: **đồng (đã bao gồm thuế VAT)**

Bằng chữ:

Điều 3. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện hợp đồng: **90 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng thư bảo lãnh do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi có biên bản nghiệm thu bàn giao gói thầu đưa vào sử dụng và bắt đầu chuyển sang chế độ bảo hành.
- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Điều 5. Tạm ứng và thanh toán

- Sau khi hợp đồng có hiệu lực, trong vòng 10 ngày, bên A sẽ tạm ứng cho bên B **30%** giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là:**đồng** (*Bằng chữ:/.*)
- Căn cứ vào khối lượng thi công thực tế bên B đã hoàn thành, bên A sẽ tiến hành nghiệm thu thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng theo từng giai đoạn hoặc thanh toán một lần sau khi bên B hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hạng mục đưa vào sử dụng. Giá trị nghiệm thu sẽ căn cứ theo khối lượng thực tế được 2 bên xác nhận.
- Bên A sẽ giữ lại 5% giá trị nghiệm thu thực tế bằng tiền mặt để bảo hành công trình.
- Hồ sơ thanh toán: Theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Bên B giao cho bên A 4 bộ hồ sơ thanh quyết toán.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản thông qua ngân hàng của hai bên.

Điều 6. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm

thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) và nhà thầu ký xác nhận.

Việc nghiệm thu bàn giao công trình phải thành lập hội đồng nghiệm thu theo đúng quy định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng

Điều 7. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, bị cách ly hoặc ngừng sản xuất vì dịch bệnh theo quyết định của các cơ quan chức năng.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, 2 bên sẽ thỏa thuận để phân chia các khoản chi phí phát sinh.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 11 hợp đồng này.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Bàn giao mặt bằng thi công và các công việc giao thầu theo hợp đồng này cho bên B trước thời hạn khởi công.

- Cung cấp cho bên B các tài liệu và hồ sơ cần thiết liên quan đến công việc thực hiện nội dung của hợp đồng này.

- Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho bên B theo Hợp đồng này quy định

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để giám sát chất lượng, khối lượng thi công và giải quyết kịp thời các vướng mắc cho bên B.

- Tổ chức nghiệm thu khối lượng cho bên B.

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của bên B

- Cung cấp toàn bộ vật tư thi công công trình đúng theo phương án được duyệt, đảm bảo quy cách, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, chủng loại và số lượng.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, an toàn về điện tại khu vực trong quá trình thi công. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả do việc không đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây lắp gây nên.

- Những vướng mắc trở ngại trong thi công phát sinh không lường trước được hoặc do bất khả kháng thì bên B phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên A và phối hợp với bên A bàn bạc giải quyết.

- Lập hồ sơ hoàn công cùng bên A quyết toán công trình sau khi nghiệm thu bàn giao theo đúng quy định hiện hành.

- Lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, phiếu giá thanh toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và theo các quy định đã nêu trong hồ sơ mời thầu tại thời điểm nghiệm thu và thanh toán.

- Tiến hành bảo hành công trình đúng quy định sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 10. Bảo hành công trình

Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho bên A. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, khắc phục khiếm khuyết khi công trình đưa vào vận hành không bình thường do lỗi của bên B gây ra.

Thời hạn bảo hành công trình 12 tháng tính từ ngày bên B bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Điều 11. Điều kiện chung

Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Nếu một trong hai bên đơn phương đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại gây ra cho phía bên kia .

Mọi sửa đổi, bổ sung đều được giải quyết trên tinh thần đàm phán đôi bên cùng có lợi và được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì hai bên thông nhất đệ trình vụ việc lên toà án nhân dân tỉnh Quảng trị để giải quyết. Phán quyết của Toà là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thi hành.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A